

Số: 07/2024/QĐST -HN&GD

Phổ Yên, ngày 12 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 211, Điều 212, khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số 03/2024/VHN&GD-ST ngày 31 tháng 01 năm 2024 về việc “ Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Trần Tiến C, sinh năm 1983

HKTT: TDP Cầu R, phường Bãi B, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên.

2. Chị Vũ Thị Quỳnh M, sinh năm 1983

HKTT: TDP Cầu R, phường Bãi B, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Tiến C và chị Vũ Thị Quỳnh M kết hôn với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hồng Tiến (nay là UBND phường Hồng Tiến), thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc gì nên được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được một hai năm đầu, sau khoảng thời gian đó, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn rạn nứt, không có tiếng nói chung về công việc cũng như kinh tế và mọi vấn đề trong cuộc sống. Và hiện tại, vợ chồng sống chung nhà nhưng không ai còn quan tâm đến ai khoảng 10 năm nay nên anh chị quyết định làm đơn thuận tình ly hôn.

Quá trình giải quyết tại Tòa án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ xây dựng cuộc sống chung vợ chồng, do đó việc thuận tình ly hôn được ghi nhận trong biên bản thỏa thuận về ly hôn, biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 04/3/2024 là tự nguyện, cần được chấp nhận cho anh chị thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Mai A, sinh ngày 04/11/2010 và cháu Trần Ngọc A1, sinh ngày 30/11/2016. Khi ly hôn, anh chị đã thống nhất thỏa thuận: Anh Trần Tiến C là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Mai A cho đến khi cháu An đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị Vũ Thị Quỳnh M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Ngọc A1 cho đến khi cháu A1 đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh C, chị M không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết..

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

4. Khoản nợ chung, cho vay chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

5. Về các vấn đề khác: Không có.

6. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh C, chị M thỏa thuận cùng chịu 300.000đ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, biên bản thỏa thuận về ly hôn mà không có đương sự nào có ý kiến thay đổi về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1 Công nhận sự thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Tiến C và chị Vũ Thị Quỳnh M.

1.2. Về con chung: Quá trình chung sống anh Trần Tiến C và chị Vũ Thị Quỳnh M xác định vợ chồng có 02 con chung là Trần Mai A, sinh ngày 04/11/2010 và cháu Trần Ngọc A1, sinh ngày 30/11/2016.

Các đương sự đã thống nhất thỏa thuận: Ah Trần Tiến C là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Mai A cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị Vũ Thị Quỳnh M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Ngọc A1 cho đến khi cháu A1 đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Cha mẹ không trực tiếp nuôi dưỡng con chung con có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh C, chị M không yêu cầu nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho các bên.

1.3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

1. 4. Về nợ chung, cho vay chung: Không có, yêu cầu giải quyết.

1. 5. Về các vấn đề khác: Không có.

1.6. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh C, chị M thống nhất cùng chịu lệ phí giải quyết việc dân sự 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được đối trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0001504 ngày 31/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được bA hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAD tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND Thành phố Phổ Yên;
- THADS thành phố Phổ Yên;
- UBND phường Hồng Tiến;
- (GCNKH: 123/2009);
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Ngô Thị Thu Thuận